

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU T
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2/ Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M - sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Số 280, ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Số 280, ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Thời gian vợ chồng sống chung thường xuyên mâu thuẫn và đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T - sinh năm 1999, đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, Nguyễn Thị Cẩm T - sinh ngày 08/6/2004, chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng nợ chị Luận nhưng chị Luận không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn, nên chị không yêu cầu mà để giải quyết ở vụ án khác.

Tại lời khai ngày 10 tháng 11 năm 2020 bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng, vợ chồng sống chung có cãi nhau, hiện nay chị M kiên quyết ly hôn với anh, anh thấy vợ chồng không hàn gắn được, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như vợ khai, cháu T đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, cháu T theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không, chị M khai nợ chị Luận là nợ riêng của chị M, anh không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Con chung cháu T đã trưởng T không đặt ra giải quyết, cháu T giao cho chị M nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Tài sản chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; riêng khoản nợ của chị Luận, chị Luận không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị M là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn C là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị M và anh C.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 9 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phước V, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, chị M và anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị M xác định vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh

C, anh C thống nhất vợ chồng không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị M và anh C thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị T - sinh năm 1999, đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, Nguyễn Thị Cẩm T - sinh ngày 08/6/2004, chị M yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Qua hỏi nguyện vọng của cháu T, cháu có nguyện vọng được sống với chị M, ý kiến anh C thống nhất ý kiến chị M, nên cần giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị M, anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Riêng khoản nợ của chị Nguyễn Thị Luận, chị M khai vợ chồng còn nợ 150.000.000đ vốn, chị Luận khai nợ 170.000.000 đồng vốn, nhưng chị Luận không yêu cầu giải quyết và từ chối tham gia trong vụ án ly hôn của chị M đối với anh C, nên không đặt ra giải quyết và không đưa chị Luận tham gia tố tụng trong vụ án. Có phát sinh tranh chấp được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị M đối với anh Nguyễn Văn C.

Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Nguyễn Thị Cẩm T - sinh ngày 08/6/2004.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu T, vì chị M không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Thị T - sinh năm 1999 đã trưởng T, nên không đặt ra giải quyết.

3. Tài sản chung: Chị M, anh C không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007664 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.